

Số: 148/BC-DTNT

Cư Jút, ngày 29 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục : Trường PTDTNT THCS và THPT Huyện Cư Jút

2. Địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, công thông tin điện tử :

Địa chỉ trụ sở chính: Bon U3, Thị trấn Eatling, huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông.

Điện thoại liên hệ: 02613706179.

Email: dtntcujut.daknong@moet.edu.vn.

Website: dtntcujut.daknong.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp

Loại hình trường: Công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo Dục Và Đào Tạo Tỉnh Đắk Nông

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mạng

Tạo dựng được môi trường học tập và rèn luyện có nề nếp, kỷ cương, chất lượng giáo dục cao; để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của bản thân.

4.2. Tầm nhìn

Là một trong những trường PTDTNT THCS và THPT không chuyên thuộc top trung bình Khá phải vươn lên trở thành trường trong top đầu của tỉnh để học sinh sẽ lựa chọn học tập và rèn luyện. Là nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên.

4.3. Mục tiêu

- Mục tiêu chung: “Chất lượng giáo dục là danh dự của nhà trường”.

Xây dựng và củng cố danh hiệu trường chuẩn quốc gia, có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

- Mục tiêu riêng:

Giáo dục và giảng dạy cho học sinh nắm được kiến thức, kỹ năng cơ bản của tất cả các môn học phổ thông; biết cách giải quyết các vấn đề một cách độc lập, sáng tạo; biết cách học và tự học; có ý thức tự giác, thật thà, thân thiện, hòa nhập và chia sẻ; có phong cách và lối sống đẹp phù hợp với truyền thống dân tộc và hiện đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Phổ thông Dân tộc nội trú huyện Cư Jút được thành lập theo Quyết định số 3775/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2003 của UBND tỉnh Đắk Lắk và được đổi tên thành trường PTDTNT THCS và THPT huyện Cư Jut, theo Quyết định 382/QĐ-UBND, ngày 06/3/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông.

Trải qua 21 năm xây dựng và phát triển, với những thành tích tốt đẹp đã đạt được cùng những đóng góp to lớn trong sự nghiệp trồng người. Trường PTDTNT THCS và THPT Huyện Cư Jút Được Công nhận là trường chuẩn quốc gia mức độ 1 theo quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh. Trường được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động Xuất sắc”, Bằng khen của UBND tỉnh;

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Thông tin người đại diện pháp luật:

+ Họ và tên: Nguyễn Viết Thanh

+ Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Bon U3, Thị trấn Eatling, huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông.

- SĐT: 0947616868

- Email: dtntcujut.daknong@moet.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

Trường Phổ thông Dân tộc nội trú huyện Cư Jút được thành lập theo Quyết định số 3775/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 11 năm 2003 của UBND tỉnh Đắk Lắk và được đổi tên thành trường PTDTNT THCS và THPT huyện Cư Jút, theo Quyết định 382/QĐ-UBND, ngày 06/3/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường Quyết định số 2020/QĐ-SGDĐT ngày 20 tháng 05 năm 2021 của Giám đốc sở GD-ĐT về việc công nhận Hội đồng trường các Trường Trung học phổ thông, Trung học cơ sở - Trung học phổ thông, Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông nhiệm kỳ 2021-2026.

Danh sách thành viên hội đồng trường :

STT	Họ và tên	Chức vụ Hiện Tại	Chức vụ trong hội đồng
1	Nguyễn Viết Thanh	Bí thư chi bộ, Hiệu Trưởng	Chủ tịch
2	Vũ Văn Bình	Phó chủ tịch UBND Huyện Cư Jút	Thành Viên
3	Nguyễn Thị Kim Dung	Chủ tịch công đoàn trường, Phó bí thư chi bộ, Phó hiệu trưởng	Thành Viên
4	Lê Mạnh Cường	Giáo viên - TKHĐ	Thư ký
5	Hoàng Phương Lan	Giáo viên	Thành Viên
6	Lê Thanh Thủy	Giáo viên	Thành viên
7	Huỳnh Thị Tôn Sa	Tổ trưởng tổ văn phòng	Thành Viên
8	Lục Văn Tương	Ban đại diện cha mẹ Học sinh	Thành Viên
9	Vi La Nhân	Học sinh	Thành Viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

Quyết định số 1546/QĐ-SGDĐT ngày 10/12/2020 về việc Luân chuyển và bổ nhiệm ông Nguyễn Viết Thanh - Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Phan Bội Châu, giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường PTDTNT THCS và THPT Huyện Cư Jút trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. Thời gian bổ nhiệm là 05 năm, kể từ ngày 12/01/2021./

Quyết định số 1269/QĐ-SGDĐT ngày 18/09/2017 về việc Luân chuyển và bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Kim Dung – Phó hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Phan Bội Châu, giữ chức vụ Phó hiệu trưởng Trường PTDTNT THCS và THPT Huyện Cư Jút trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. Thời gian bổ nhiệm là 05 năm, kể từ ngày 12/10/2017.

Quyết định số 153/QĐ-SGDĐT ngày 16/01/2020 về việc Luân chuyển và bổ nhiệm Ông Nguyễn Hoàng Yên – Phó hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Phan Chu Trinh, giữ chức vụ Phó hiệu trưởng Trường PTDTNT THCS và THPT Huyện Cư Jút trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. Thời gian bổ nhiệm là 05 năm, kể từ ngày 04/02/2020.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

Là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều lệ trường THCS và THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- Kế hoạch số 133/KH-CM Ngày 23/09/2024 về kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025.

- Kế hoạch số 134/KH DTNT ngày 23/09/2024 về kế hoạch chuyên môn năm học 2024-2025

- Kế hoạch số 174/KH-DTNT ngày 20/8/2020 về kế hoạch chiến lược phát triển trường PTDTNT THCS và THPT Huyện Cư Jút giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 đã được Sở GD&ĐT phê duyệt.

- Quy chế số 140/QC-DTNT ngày 28/9/2024 về Quy chế thực hiện dân chủ trong trường PTDTNT THCS và THPT Huyện Cư Jút năm học 2024-2025

ĐẠI
TRƯ
Ồ T
Đ C
V A
U J

- Quyết định số 09/QĐ-DTNT ngày 18/2/2021 của trường PTDTNT THCS và THPT Huyện Cư Jút về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công.

- Quyết định số 112-125/QĐ-DTNT ngày 01/8/2024 của trường PTDTNT THCS và THPT Huyện Cư Jút về việc bổ nhiệm tổ trưởng các tổ năm học 2024 – 2025.

- Quyết định số 142/QĐ-DTNT ngày 28/9/2024 của trường PTDTNT THCS và THPT Huyện Cư Jút về việc ban hành quy tắc Ứng xử văn hóa trong trường học năm học 2024 – 2025.

II. THU, CHI TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo:

Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước giao năm 2024: 5.772.000.000 đ

Nguồn thu học phí năm 2024: **Không**

b) Các khoản chi phân theo:

- Chi thường xuyên năm 2024 (chi tiền lương và phụ cấp theo lương, chi cơ sở vật chất và dịch vụ, chi hỗ trợ người học, chi khác..): 5.772.000.000 đ

- Chi đào tạo bồi dưỡng năm 2024: 20.800.000 đ

III. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo Số viên chức hiện có (tính đến ngày 01/08/2024) của trường PTDTNT THCS và THPT Huyện Cư Jút là 33 người; số người lao động hợp đồng hỗ trợ, phục vụ là 12 người. Cụ thể:

Viên chức nhóm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 03 người, gồm: 01 Hiệu trưởng (ThS), 02 Phó Hiệu trưởng (1ThS, 1ĐH).

Viên chức nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và viên chức nhóm vị trí việc làm chuyên môn dùng chung: 23 người, gồm: 18 Giáo viên (04 ThS, 14ĐH); 01 Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm; 0 Nhân viên Giáo vụ; 0 Nhân viên Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật; 01 Nhân viên Thư viện (TC); 01 Nhân viên Kế toán (CĐ); 01 Nhân viên Thủ quỹ (TC); 0 Nhân viên Văn thư; 01 Nhân viên Y tế học đường; 0 Nhân viên Công nghệ thông tin.

Số lượng người lao động hợp đồng hỗ trợ, phục vụ: 7 người, gồm: 05 nhân viên phục vụ, 02 nhân viên bảo vệ.

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định: 21/21 (100%) GV,CBQL đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

33/33 (100%) giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

Trường có diện tích sử dụng là 7494 m², bình quân 32,6 m²/học sinh đảm bảo theo quy định.

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu đảm bảo theo quy định.

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

Lớp 06: 01 bộ; Lớp 7: 01 bộ; Lớp 08: 01 Bộ; Lớp 09: 01 bộ; Lớp 10: 01 bộ; lớp 11: 01 bộ; lớp 12: 01 bộ; đảm bảo theo quy định.

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 10/05/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc Phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 5, lớp 9, lớp 12 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

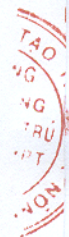
Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng giáo dục, kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá, rà soát đối chiếu kết quả đạt được với tiêu chí kiểm định đảm bảo duy trì kết quả đã đạt được đồng thời nhà trường phấn đấu để đạt kiểm định chất lượng Cấp độ 1.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc công nhận và cấp Bằng công nhận cho trường phổ thông đạt chuẩn Quốc gia (Mức độ được công nhận: Mức độ 1).

IV. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:



a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan

- Kế hoạch số 63/KH-DTNT, ngày 06/05/2024 của trường PTDTNT THCS và THPT Huyện Cư Jút về việc ban hành Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 6 và lớp 10, năm học 2024-2025.

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục

- Kế hoạch số 133/KH-DTNT ngày 23/09/2024 của trường PTDTNT THCS và THPT Huyện Cư Jút về kế hoạch giáo dục năm học 2023-2024 .

Kế hoạch giáo dục của nhà trường thể hiện việc huy động đầy đủ nguồn lực, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có của nhà trường trong kế hoạch giáo dục của các môn học, hoạt động giáo dục.

c) Thực đơn hàng ngày của học sinh (nếu có).

Thực đơn hàng ngày của học sinh được niêm yết trên bảng tin

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Nội dung	Tổng số	Năm học 2023 - 2024						
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
Kết quả tuyển sinh	67	35				32		
Tổng số học sinh	223	35	33	29	30	32	35	29
Số lớp	7	1	1	1	1	1	1	1
Học sinh là người dân tộc thiểu số		35	31	28	29	32	35	29
Số lượng học sinh chuyển trường		2	4	2	0	5	0	1

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo cấp học		
			THCS	THPT	Lưu ý
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	223	127	96	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	174 78.03%	94 74.02%	80 83,33%	

2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	34 15.25%	23 18.11%	11 14.46%	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	11 4.93%	7 5.51%	4 4.16%	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	4 1.79%	3 2.36%	1 2.21%	
II	Số học sinh chia theo học lực	223	127	96	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	11 4.93%	5 3.94%	6 6.25%	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	135 60.54%	63 49.61%	72 75%	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	72 32.29%	55 43.31%	17 17.71 %	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	5 2.24%	4 3.14%	1 1.04%	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	223	127	96	
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	219 98.21%	124 97,64%	95 98.96%	
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	9 4.04%	5 3.94%	4 4.17%	
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	89 39.91%	63 49.61%	26 27.98%	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	5 2.24%	4 3.14%	1 0%	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	3	1	
4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	17	12	5	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp huyện	01	03	0	

2	Cấp tỉnh/thành phố	02	1	02	
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự- thi tốt nghiệp	59	30	29	
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	59	30	29	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	7 11.86%	3 10%	4 13.79%	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	45 76.28%	21 70%	24 82.76%	
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	7 11.86%	6 20%	1 3.45%	
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	13 43.33%	0 0%	13 43.33%	
VIII	Số học sinh dân tộc thiểu số	219	123	96	

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình: 223.

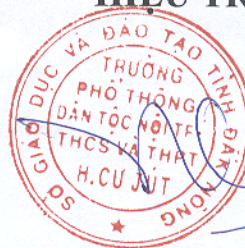
Số học sinh được cấp bằng tốt nghiệp năm 2024: 59/59 (100%).

Số lượng học sinh trúng tuyển đại học: 10/30 (33.33%)./.

Nơi nhận:

- SGD & ĐT (b/c);
- PHT, TTCM, GV, NV ;
- Niêm yết thông báo, website;
- Lưu HT, VT./.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Viết Thanh